

Số: 09/2017/QĐST-KDTM

Ninh Bình, ngày 27 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 38/2017/TLST- KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số xx, LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: bà Nguyễn Thị M- Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách tín dụng Ngân A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản ủy quyền số 02/2017/NHNTPNB- TD ngày 17/5/2017)

Bị đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số nhà xx, phố TL, phường NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: - Ông Đàm Văn T. Địa chỉ: Số nhà xx, phố TL, phường NP, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn Tử P và bà Vũ Thị T

Địa chỉ: Phố CVA, đường NH, phường NB, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Theo Hợp đồng tín dụng số 3302-LAV-201401242 ngày 17/11/2014. tính đến ngày 19/9/2017 bà Đoàn Thị L còn nợ Ngân hàng A- chi nhánh thành phố Ninh Bình tổng số tiền là: 3.558.288.333đ (Ba tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 2.600.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 19/9/2017: 724.403.889đ. (Bảy trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm linh ba triệu, tám trăm tám mươi chín đồng).

- Tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/9/2017: 233.884.444đ (Hai trăm ba mươi ba triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Bà L có trách nhiệm thanh toán khoản nợ như sau: trả dần theo định kỳ một quý một lần, thời hạn trả trong vòng 3 năm. Mỗi một quý bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thời hạn cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 15/12/2017 bà L phải trả cho Ngân hàng A- Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 2: Ngày 15/3/2018 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 3: Ngày 15/6/2018 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 4: Ngày 15/9/2018 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 5: Ngày 15/9/2018 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 6: Ngày 15/12/2018 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 7: Ngày 15/3/2019 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 8: Ngày 15/6/2019 bà L phải trả cho Ngân hàng A- Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 9: Ngày 15/9/2019 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 10: Ngày 15/12/2019 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 11: Ngày 15/3/2020 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Lần 12: Ngày 15/6/2020 bà L phải trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là: 296.524.027đ (Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

Ngoài ra kể từ ngày 19/9/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc bà L còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi quá hạn theo mức 150% của lãi xuất trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng A - Chi nhánh Ninh Bình theo từng thời kỳ) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

2.2. Trường hợp đến hạn trả nợ mà bà Đoàn Thị L không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ theo như thỏa thuận thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý phát mại toàn bộ tài sản mà bà L, ông T, và bà T, ông P đã thế chấp đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã ký kết theo quy định của pháp luật cho ngân hàng của chúng tôi, cụ thể các tài sản thế chấp như sau:

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, ký ngày 17/11/2014, gồm:

- Giá trị QSD đất 280m², thuộc thửa đất số 190; tờ bản đồ số 02; tại Phố PĐ, phường N P, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình theo giấy CNQSD đất số AI742398 do UBND TP Ninh Bình cấp ngày 11/05/2007 mang tên ông Đàm Văn T và vợ là bà Đoàn Thị L.

- Giá trị QSD đất 173,3m², nhụ 3 tầng và toàn bộ các công trình xây dựng trên diện tích đất thế chấp t'i thuộc thửa đất số 33; tờ bản đồ số 01; tại Phố TL, phường NP, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo giấy CNQSD đất số BH346667 do UBND TP Ninh Bình cấp ngày 17/11/2011 mang tên ông Đàm

Văn T và vợ là bà Đoàn Thị L. Tài sản gắn liền với đất: Toàn bộ nhà cấp 3; tổng diện tích sử dụng 400m²; kết cấu bê tông cốt thép; Số tầng: 3 tầng+ Công trình phụ.

- Giá trị QSD đất 72,8m², nhụ 2 tầng và toàn bộ các công trình xây dựng trên diện tích đất thế chấp tⁱ thuộc thửa đất số 55; tờ bản đồ số 16; tại Phố C VA, phường NB, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình theo giấy CNQSD đất số Đ382256 do UBND TP Ninh Bình cấp ngày 10/12/2004 mang tên ông Nguyễn Tử P và vợ là bà Vũ Thị T. Tài sản gắn liền với đất: Toàn bộ nhà cấp 3; tổng diện tích sử dụng 130m²; kết cấu bê tông cốt thép; Số tầng: 2 tầng + Công trình phụ.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị L phải nộp số tiền: $\{(3.558.288.333^d - 2.000.000.000^d) \times 0,2\% + 72.000.000^d\} / 2 = 51.582.883^d$ (Năm mươi một triệu năm trăm tám mươi hai nghìn tám trăm tám mươi ba đồng).

- Ngân hàng A – Chi nhánh thành phố Ninh Bình không phải nộp, được trả lại số tiền 51.000.000^d (Năm mươi một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình theo biên lai số AA/2016/0000601, ngày 02 tháng 8 năm 2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- THADS thành phố Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Tuyết